

**DUAL TRAUMA IN POSTWAR
LITERATURE: THE CASE OF
I AM MY FATHER'S DAUGHTER
BY PHAN THUY HA**

Ta Anh Thu

*Faculty of Education, Thu Dau Mot University,
Ho Chi Minh City, Vietnam*

Corresponding author: Ta Anh Thu,
e-mail: anhtu0206@gmail.com

Received April 17, 2025.

Revised May 25, 2025.

Accepted June 26, 2025.

**CHẤN THƯƠNG KÉP TRONG
VĂN HỌC HẬU CHIẾN: TRƯỜNG HỢP
TÔI LÀ CON GÁI CỦA CHA TÔI
CỦA PHAN THÚY HÀ**

Tạ Anh Thư

*Khoa Sư phạm, Trường Đại học Thủ Dầu Một,
thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Tác giả liên hệ: Tạ Anh Thư,
e-mail: anhtu0206@gmail.com

Ngày nhận bài: 17/4/2025.

Ngày sửa bài: 25/5/2025.

Ngày nhận đăng: 25/6/2025.

Abstract. The article analyzes the phenomenon of double trauma in Phan Thuy Ha's *I Am My Father's Daughter*, focusing on the role of the second generation in receiving and re-narrating the trauma memories of the previous generation within post-war Vietnam. The study uses postmemory and intergenerational trauma theory, employing a qualitative research methodology combined with an interdisciplinary approach that bridges literature and psychoanalysis, along with narrative analysis. It argues that the nonfiction text operates as a layered memory structure and proposes the application of the concept of “dual trauma” for the second generation as a new approach to better understand the depth of post-war narratives. The findings indicate that the narrator not only inherits wartime memory but also undergoes secondary trauma in the process of probing unresolved memories. The paper affirms that the act of narration the testimony of the following generation becomes an expression of the responsibility to remember and opens the possibility for healing.

Keywords: dual trauma, postmemory, intergenerational trauma, non-fiction, postwar Vietnamese literature.

Tóm tắt. Bài viết phân tích hiện tượng chấn thương kép trong tác phẩm *Tôi là con gái của cha tôi* của Phan Thúy Hà, tập trung vào vai trò của thế hệ thứ hai trong việc tiếp nhận và tái hiện ký ức chấn thương của thế hệ trước trong bối cảnh hậu chiến tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng lý thuyết ký ức hậu sinh và chấn thương liên thế hệ, áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với hướng tiếp cận liên ngành giữa văn học và phân tâm học, cùng với phương pháp phân tích tự sự để lý giải cách thức văn bản phi hư cấu vận hành như một cấu trúc chồng lớp ký ức. Bài viết đề xuất vận dụng khái niệm 'chấn thương kép' đối với thế hệ thứ hai như một hướng tiếp cận mới, nhằm góp phần làm sáng tỏ chiều sâu của tự sự hậu chiến. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng người kể không chỉ kế thừa ký ức chiến tranh mà còn trải qua chấn thương thứ phát trong quá trình truy vấn những ký ức chưa được giải tỏa. Bài viết khẳng định vai trò của hành động kể lại - lời chứng của thế hệ sau trở thành một biểu hiện của trách nhiệm ghi nhớ và mở ra khả năng chữa lành.

Từ khóa: chấn thương kép, ký ức hậu sinh, chấn thương liên thế hệ, phi hư cấu, văn học hậu chiến Việt Nam.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, lý thuyết chấn thương (*trauma theory*) đã trở thành một khung tiếp cận có ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực nghiên cứu văn học, lịch sử và văn hóa, đặc biệt nổi bật trong các nghiên cứu hậu chiến, bao gồm cả bối cảnh Việt Nam. Học giả Cathy Caruth (1996) cho rằng chấn thương không đơn thuần là một biến cố đã xảy ra, mà là trải nghiệm liên tục ám ảnh người phải chịu đựng nó, thường quay trở lại qua những khoảng trống ký ức, những hồi tưởng gián đoạn hoặc sự im lặng không thể diễn đạt bằng lời [1;4].

Trên nền tảng đó, lý thuyết ký ức hậu sinh (*postmemory*) do Marianne Hirsch (2008) phát triển đã mở rộng phạm vi nghiên cứu sang thế hệ thứ hai – những người không trực tiếp trải nghiệm biến cố lịch sử nhưng lại mang trong mình ký ức được truyền lại mạnh mẽ đến mức có tính cá nhân hóa. Theo Hirsch, *ký ức hậu sinh* (*postmemory*) là mối quan hệ của thế hệ sau đối với những trải nghiệm chấn thương mạnh mẽ mà họ không trực tiếp trải qua nhưng được truyền lại sâu sắc đến mức dường như trở thành ký ức của chính họ. Mối liên kết này không dựa trên việc hồi tưởng trực tiếp mà thông qua sự đầu tư tưởng tượng, sự chiếu rọi và sáng tạo [2; 106]. Sự chú ý vào yếu tố chấn thương ở thế hệ thứ hai cũng được Yehuda (2018) thể hiện qua khái niệm *chấn thương liên thế hệ* (*intergenerational trauma*), được sử dụng để mô tả cách thức mà những trải nghiệm chấn thương trong một thế hệ có thể ảnh hưởng đến các thế hệ kế tiếp. Theo Yehuda, quá trình này có thể xảy ra thông qua các cơ chế sinh học, tâm lý và/hoặc xã hội [3; 243].

Tác phẩm *Tôi là con gái của cha tôi* của Phan Thúy Hà (2022) là một trường hợp rất đặc biệt. Đây là một tác phẩm phi hư cấu (*non-fiction*) kết hợp giữa ghi chép, hồi tưởng và lời kể của những người từng trải qua chiến tranh và cả con cái họ, những người chỉ được biết đến chiến tranh qua lời kể. Tác phẩm không chỉ là câu chuyện về chiến tranh, mà còn là một hành trình tâm lý của một thế hệ sau chiến tranh - thế hệ thứ hai, khi mà những ký ức và nỗi đau vẫn còn đọng lại, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của họ. Khác với các văn bản lời chứng thuần túy hay hồi ức cá nhân, *Tôi là con gái của cha tôi* mở ra một dạng tự sự hậu chấn thương độc đáo, nơi mà người kể chuyện vừa là người tiếp nhận ký ức từ thế hệ trước, vừa là người tổ chức lại ký ức ấy qua góc nhìn hậu sinh. Có thể nói rằng, đây là một ví dụ rất điển hình cho văn học chấn thương [4]. Tuy nhiên, hiện nay, việc áp dụng lý thuyết chấn thương để nghiên cứu tác phẩm này vẫn còn nhiều khoảng trống.

Tại Việt Nam, khái niệm “chấn thương kép” (*dual trauma*) cũng đã được một số học giả đề xuất nhằm lý giải sự chồng lớp giữa chấn thương cá nhân và tập thể hoặc giữa trải nghiệm chiến tranh và hành vi làm chứng. Đề cập đến “chấn thương kép” khi nghiên cứu nhân vật người lính thời hậu chiến có bài viết của Cao Kim Lan (2021), trong đó, tác giả cho rằng nhân vật người lính trong *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh mang chấn thương kép khi mà sự khốc liệt của chiến tranh “là một thực tế được tái hiện trong quá trình trở thành “chứng nhân” của cuộc chiến” [5;27]. Khái niệm “chấn thương kép” mà Cao Kim Lan đề cập đến là sự phục dựng tổn thương của môi trường: “chấn thương tâm lý của người lính may mắn sống sót trở về trong *Nỗi buồn chiến tranh* sẽ không chỉ cho thấy những khủng hoảng tinh thần của con người mà còn phục dựng cả sự dửng dưng của một môi trường bị tổn thương - một hình thức chấn thương kép” [5; 26].

Khái niệm này lại được Cao Kim Lan (2021) đề cập một lần nữa trong một nghiên cứu khác, cũng về tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh: “Trong tác phẩm, Bảo Ninh khai thác chấn thương kép (*dual trauma*) bằng cách mô tả sự kết hợp giữa chấn thương cá nhân của nhân vật chính (Kiên) và chấn thương tập thể của dân tộc Việt Nam trong chiến tranh” [6;120].

Về các công trình nghiên cứu ở nước ngoài, có thể kể đến nhóm tác giả Hou Jin-rong, Kim Min Hoe (2023) với bài viết *Các câu chuyện về ký ức chấn thương và sự di dời của các nạn nhân trong “The Lotus and the Storm”* nghiên cứu chấn thương chiến tranh, ký ức hậu chiến và hội chứng hậu chấn thương do chiến tranh gây ra đối với người Việt Nam di cư tới Hoa Kỳ. Ngữ liệu của bài viết là tiểu thuyết *The Lotus and the Storm* của Lan Cao - một tác giả người Mỹ gốc Việt [7].

Đây là một nghiên cứu thú vị, có giá trị nhất định về chấn thương tâm lý hậu chiến tranh Việt Nam. Tuy nhiên, một lần nữa, đối tượng của nghiên cứu này là một tác phẩm văn học hư cấu.

Gần đây, Khan & Shahid (2024) mở rộng khái niệm “chấn thương kép” trong nghiên cứu về *Curfewed Night* của Basharat Peer, với điểm nhấn là hai tầng chấn thương ở người sống sót thể hệ thứ nhất: vừa trải nghiệm bạo lực chiến tranh, vừa bị tái kích hoạt nỗi đau trong quá trình kể lại và làm chứng [8;3].

Có thể thấy rằng, các hướng tiếp cận chấn hậu chiến nêu trên đều tập trung vào chủ thể trực tiếp trải nghiệm chiến tranh (thể hệ thứ nhất). Trong khi đó, hiện tượng chấn thương kép ở thể hệ thứ hai – những người vừa kế thừa ký ức từ thể hệ trước, vừa trải nghiệm tổn thương cá nhân riêng trong quá trình truy vấn và tái hiện ký ức ấy – vẫn là khoảng trống trong nghiên cứu.

Qua khảo sát của chúng tôi, hiện chưa có công trình nào nghiên cứu “chấn thương kép” trong tác phẩm *Tôi là con gái của cha tôi* của Phan Thúy Hà - một tác phẩm phi hư cấu - như là sự chồng lớp giữa ký ức chấn thương kế thừa từ thể hệ trước và tổn thương cảm xúc của thể hệ sau khi phải đối diện, tái hiện, hoặc truy vấn những ký ức chưa từng được kể. Bài viết của chúng tôi lần đầu tiên đề xuất một cách tiếp cận “chấn thương kép” cho thể hệ thứ hai từ sự kế thừa và mở rộng tinh thần khái niệm “double wound” của Caruth, kết hợp với lý thuyết *ký ức hậu sinh* (Hirsch, 2012) và *chấn thương liên thế hệ* (Yehuda et al., 2008). Chúng tôi hy vọng rằng hướng đi này sẽ tạo ra được những khám phá mới mẻ về văn học chấn thương đồng thời đóng góp vào một hướng nghiên cứu văn học hậu chiến còn ít được triển khai tại Việt Nam: xem vai trò của hành động kể lại - lời chứng của thể hệ sau - như một biểu hiện của trách nhiệm ghi nhớ và mở ra khả năng chữa lành.

Cần phải nêu rõ rằng tác phẩm *Tôi là con gái của cha tôi* (Phan Thúy Hà, 2022) [4] bao gồm hai mươi một câu chuyện của những cựu binh Việt Nam Cộng Hoà và gia đình, bạn bè họ. Trong hai mươi một câu chuyện, chỉ có hai câu chuyện là của người con gái kể về cha mình. Chúng tôi chỉ chọn hai câu chuyện *Quốc Kiệt* - p. 7, *Tôi là con gái của cha tôi* - p. 342 để làm dữ liệu cho nghiên cứu. Bởi đây là các câu chuyện thể hiện rõ nhất chấn thương kép từ góc độ người kế thừa ký ức. Chúng tôi tin rằng, không phải ngẫu nhiên mà hai câu chuyện của hai người con gái cựu binh Việt Nam cộng hoà được Phan Thúy Hà xếp ở vị trí mở đầu tác phẩm và khép lại tác phẩm *Tôi là con gái của cha tôi*.

Với việc đặt trọng tâm vào tiếng nói của thể hệ sau chiến tranh, bài viết của chúng tôi tập trung làm sáng tỏ cơ chế hình thành cũng như biểu hiện của chấn thương kép của thể hệ thứ hai trong gia đình các cựu binh Việt Nam Cộng Hoà thời hậu chiến. Trong tác phẩm, những nỗi đau không thể nói thành lời của các cựu binh bị loại khỏi ký ức chính thống của cộng đồng đã dần dần ngấm vào đời sống nội tâm của những người con của họ. Người đọc có thể thấy rõ cách mà ký ức chấn thương được chuyển giao thông qua sự im lặng, sự vắng mặt và bầu không khí trong gia đình - điều mà Marianne Hirsch (2008) gọi là “những trải nghiệm chấn thương mạnh mẽ mà họ không trực tiếp trải qua” [2;103 -104].

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Lý thuyết chấn thương trong nghiên cứu văn học hậu chiến đã đặt nền tảng quan trọng để phân tích các hiện tượng ký ức và sự gián đoạn trong tự sự. Cathy Caruth (1996) cho rằng chấn thương là một dạng ký ức bị trì hoãn, không thể nắm bắt trọn vẹn tại thời điểm xảy ra mà chỉ trở lại như một “vết thương kép” (double wound) – bao gồm tổn thương ban đầu và sự tái hiện đầy ám ảnh về sau [1; 4-5]. Điểm quan trọng ở đây là khả năng giao thoa giữa thời gian và ký ức, từ đó tạo nên một cấu trúc tự sự phi tuyến, gián đoạn và chất chứa im lặng – điều thường gặp trong các văn bản hậu chiến.

Từ nền tảng này, Marianne Hirsch (2008) phát triển khái niệm “kí ức hậu sinh” (postmemory) để lý giải vai trò của thế hệ thứ hai trong việc tiếp nhận kí ức chấn thương của thế hệ trước. Theo đó, kí ức hậu sinh “là mối quan hệ của thế hệ sau đối với những trải nghiệm chấn thương mạnh mẽ mà họ không trực tiếp trải qua nhưng được truyền lại sâu sắc đến mức dường như trở thành kí ức của chính họ” [2;103-104].

Ở lĩnh vực tâm lý học, nghiên cứu của Yehuda et al. (2008) cung cấp cơ sở khoa học vững chắc cho khái niệm *chấn thương liên thế hệ* (intergenerational trauma), cho thấy rằng các rối loạn tâm lý như PTSD (Post-Traumatic stress disorder – Rối loạn căng thẳng sau sang chấn) có thể được truyền qua nhiều thế hệ thông qua cơ chế sinh học, tâm lý và/hoặc xã hội [3; 243].

Từ các nền tảng trên, bài viết đề xuất vận dụng khái niệm *chấn thương kép* xảy ra với thế hệ thứ hai như một hướng tiếp cận mới. Khác với các cách tiếp cận truyền thống vốn dành cho người sống sót đã chịu chấn thương trực tiếp hoặc người kế thừa thế hệ thứ nhất, khái niệm *chấn thương kép* ở đây là sự chồng lớp giữa kí ức chấn thương kế thừa từ thế hệ trước và tổn thương cảm xúc của thế hệ sau khi phải đối diện, tái hiện, hoặc truy vấn những kí ức chưa từng được kể; sự khủng hoảng về danh tính, mặc cảm, bị kỳ thị. Việc vận dụng khái niệm *chấn thương kép* trong phân tích thế hệ thứ hai giúp mở rộng phạm vi ứng dụng của lý thuyết chấn thương, từ đó làm rõ hơn đặc điểm đan xen giữa kí ức cá nhân và cộng đồng trong các văn bản phi hư cấu hậu chiến tại Việt Nam.

2.2 Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp với hướng tiếp cận liên ngành giữa văn học, phân tâm học và kí ức học, nhằm phân tích hiện tượng chấn thương kép trong tác phẩm *Tôi là con gái của cha tôi* của Phan Thúy Hà.

Đối tượng nghiên cứu là hai câu chuyện tiêu biểu trong tác phẩm – *Quốc Kiệt* và *Tôi là con gái của cha tôi* – được lựa chọn vì có sự giao thoa rõ nét giữa các lớp kí ức: kí ức chấn thương của thế hệ trước và tổn thương phát sinh của thế hệ sau. Việc chọn hai trường hợp cụ thể nhằm đảm bảo tính tiêu biểu và chiều sâu phân tích, đồng thời thể hiện rõ vai trò của thế hệ thứ hai như những chủ thể tiếp nhận và tái kiến tạo kí ức.

Phương pháp phân tích được triển khai theo hướng tiếp cận đa tầng (multi-level approach), gồm các bình diện: **tầng cá nhân**: cảm xúc, kí ức, hành vi tái hiện của người kể; tầng lịch sử – xã hội: bối cảnh chiến tranh, vị thế của những nhân chứng thuộc bên thất trận; tầng hình thức tự sự: phi tuyến tính, đứt đoạn, im lặng, xen lẫn ghi chép và phản tư; tầng tâm lý – đạo đức: sự giằng xé nội tâm, trách nhiệm ghi nhớ và khả năng chữa lành kí ức. Việc áp dụng các phương pháp phân tích đa tầng có thể giúp hiểu rõ hơn về cách thức chấn thương được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, bao gồm các yếu tố sinh học, tâm lý và xã hội [9].

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Sự chồng lớp giữa kí ức chấn thương kế thừa từ thế hệ trước và tổn thương cảm xúc của thế hệ sau

Hai câu chuyện *Quốc Kiệt*, *Tôi là con gái của cha tôi* thể hiện rất rõ sự kế thừa kí ức của thế hệ trước. Quốc Kiệt xuất hiện qua dòng status trên Facebook về người cha của mình: “Ta ơn Chúa khi trải qua bốn mươi năm giải phóng, qua bao nhiêu khổ đau, bao nhiêu khó nhọc thì hiện giờ ba con vẫn tồn tại cho dù cụt một chân phải và nay bị mù thêm đôi mắt, nhưng vẫn làm tròn trách nhiệm của một người cha” [5; 5]. Không có một dòng nào mô tả những trận đánh nhưng chiến tranh hiện lên rõ mồn một với tất cả những vết thương nhức nhối và cả những ki bích của thời hậu chiến. Quốc Kiệt đã là người làm chứng cho tất cả những chấn thương của ba mình ở nhiều chiều kích thời gian, không gian. Không chỉ kế thừa kí ức tổn thương từ các trận đánh, em kế thừa luôn kí ức học tập cải tạo, kí ức “xét lại” của ba mình: “Ba kể là, năm 1973, sau khi giải ngũ, các chú quân lực trên Long Bình đưa máy về ủi đất cho ba làm vườn, ba có khu đất rộng mênh mông. Thế mà khi ba đi học tập về, khu đất đó người ta chiếm hết. Ba và cô khai hoang đất trồng mía ở

nơi khác. Mía vào vụ thu hoạch, ba lại bị bắt đi “xét lại”. Lần này trở về thì cô đã không chờ ba nữa” [5;12]. Sự kế thừa kế ức chấn thương thời hậu chiến còn thể hiện qua sự mong mỏi thông tin từ những người lính cùng đơn vị với ba của ba cô gái nhỏ: “Qua bao năm tháng con được nghe ba kể về những khoảng thời gian còn chiến đấu. Ba muốn gặp lại những người từng cùng đơn vị. Ba con tên là Đặng Văn Tiền, số quân 69/127385. Đơn vị của ba con trước khi bị thương là Đại đội 2, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 10, Sư đoàn 7. Con tên Quốc Kiệt” [5; 8].

Trong *Tôi là con gái của cha tôi*, Quỳnh Anh cũng là người kế thừa kí ức. Cô bé không sống trong chiến tranh, nhưng lại bị ám ảnh sâu sắc bởi những khoảng lặng, đồ vỡ, giằng xé đến từ quá khứ của cha mình. Cô chỉ trải nghiệm chiến tranh qua sự kiện chạy loạn cùng với ba mẹ. Đó là kí ức trực tiếp duy nhất cô có mặt. Còn lại, cô bị ám ảnh bởi những kí ức mà cô không hề sống qua. Trong câu chuyện, người cha không kể gì cho con, và cô bé, qua những quan sát, những sự kiện, và sự vắng mặt của cha, đã xây dựng cho mình một kí ức về chiến tranh: “Ngày 17/01/1974. Ba và một bác tên Quý chở thiếu tá Ngụy Văn Thà qua Ngăn khổ Đà Nẵng rút tiền. Lẽ ra ông Ngụy Văn Thà lãnh lương tại đơn vị ở trong Nam, nhưng do được lệnh đi gấp nên lương được chuyển ra Đà Nẵng cho ông. Đề lãnh được lương, phải có ba cùng đi. Khi xong việc, ba và bác Quý mời ông Thà đi ăn cơm. Cơm dọn lên chưa kịp ăn, ông được báo tin phải lên tàu gấp. Ông đứng dậy. Ba và bác Quý tiễn chân ông ra tàu. Đó cũng là những giây phút cuối cùng ba gặp ông Ngụy Văn Thà. Hai ngày sau, ba về thông báo với má: Thiếu tá Thà không còn nữa [4; 342].

Là con gái của một cựu binh “Ngụy”, cả hai cô bé đều có những chấn thương riêng của chính mình khi phải tái hiện, truy vấn những kí ức chưa từng được kể, song song với việc tái hiện kí ức người cha. Quốc Kiệt kể về người cha cấp bậc hạ sĩ, cụt chân, giải ngũ từ năm 1973 nhưng vẫn phải đi học tập cải tạo: “Việc đó em cũng không hiểu. Có lẽ tùy vào cách xử lí của từng địa phương. Ba là trường hợp không may. Quá nhiều điều không may xảy đến trong cuộc đời ba. Lớn lên em thấy hai hàm răng của ba chỉ còn bốn chiếc. Ba giải thích do ăn uống bị thiếu chất, răng rụng gần hết sau những năm đi học tập, thì khi đó em mới biết chứ ba đâu có kể gì” [5;15-16]. Kể về ba, chấn thương trong em tái hiện: “Nếu ai hỏi em nhớ gì vào ngày tám tuổi, trong đầu em hiện về buổi chiều đó. Ba bị đánh. Máu trên đầu ba chảy xuống mặt. Em chỉ biết đứng nhìn và khóc. Ba được chở ra trạm xá. Sau đó ba được chở về trên một cái xe có võng. Về tới sân, ba tiếp tục bị lôi xuống. Ba bị kéo ra phía mương. Ba bị quăng xuống mương. Cái mương bên vườn sâu riêng” [5;17].

Quỳnh Anh thì tổn thương vì sự vắng mặt của ba: “Tôi bị sốt cao, nằm thiêm thiếp. Chợt nghe giọng nói quen thuộc của chú Hải. “Em chuẩn bị về Bắc, qua chào chị và các cháu”. Tôi không mở nổi mắt. Chú lại hỏi: “Cháu làm sao hả chị”. “Cháu bị sốt từ hôm qua đến giờ”. Rồi một bàn tay thô ráp sờ lên trán. Nước mắt tôi chảy ra vì nhớ ba. Những ngày còn ba ở nhà, mấy chị em bị đau, ba lo lắng từng tý, thỉnh thoảng sờ trán. Lâu lắm rồi không gặp ba” [5; 354].

Bên cạnh những chấn thương khi truy vấn về một kí ức không hề được kể ra, cả Quốc Kiệt và Quỳnh Anh đều phải chịu những chấn thương về khủng hoảng danh tính, mặc cảm, bị kỳ thị.

Quốc Kiệt không thể nguôi nổi xót xa cha sắp chết mà không có giấy chứng minh thư: “Ba mất quyền công dân từ khi giải phóng cho tới năm 2013. Năm 2013 ba bệnh nặng, tình trạng như sắp ra đi, em đi làm thủ tục cấp chứng minh thư cho ba. Đến lúc này ba còn cần đến chứng minh thư làm gì nữa hả chị. Nhưng em cần. Em muốn trước khi chết ba em là một công dân như bao người. Em nói với người ta: Cấp cho ba con giấy khai sinh để làm thủ tục khai tử. Người nhận lời giúp đỡ nói: Ừ, ông ấy thì làm được gì nữa mà không cấp” [5;19]. Em đau đớn khi chứng kiến cha bị hắt hủi, kỳ thị: “Thằng nguỵ tàn. Em in sâu vào trí nhớ câu nói đó. Thằng què là ba. Thằng nguỵ tàn là ba. Người đang nằm dưới mương kia là ba” [5;17].

Quỳnh Anh và gia đình em thì phải chịu sự ghẻ lạnh, bàn tán của hàng xóm láng giềng: “Tôi ngạc nhiên khi thấy chú Hải có thái độ đối ân cần với nhà mình. Bởi lúc đó, đối với tôi, như vậy là không bình thường. Các bà hàng xóm xì xầm về má rằng sao bà này vợ nguỵ mà được đi dạy. Má đã đem cắt đi những chiếc áo dài thành chiếc áo cụt để đi dạy. Bữa ăn cơm của chúng tôi cũng không được yên vì bị nhòm ngó” [5; 354].

Tóm lại, cả Quốc Kiệt, Quỳnh Anh đều thể hiện rất rõ tình trạng chấn thương kép thể hiện qua sự kế thừa kí ức chấn thương từ thế hệ trước và tổn thương cảm xúc của thế hệ sau. Qua những hồi tưởng, những lời kể, những dòng thư, người đọc có thể hình dung những lo âu phủ bóng mờ lên không khí gia đình những người “đi lính quốc gia” những ngày gần giải phóng, bối cảnh hỗn loạn của những người dân lên thuyền vượt biên và cả sự kì thị của làng xóm láng giềng dành cho gia đình lính “ngụy” khi chiến tranh kết thúc.

Hành động kể lại của người con không nhằm phơi bày sự thật lịch sử ngoài kia, mà là một nỗ lực làm chứng thay cho cha mình - một hành động vừa tha thiết vừa đau đớn, vì nó đồng thời gắn với nhu cầu tự chữa lành, tự chuyển hoá nỗi đau của chính bản thân họ. Đối với Quốc Kiệt, kể ra là để nhớ về ba: “Chuyện của ba em là vậy đó chị. Ba có em để tựa vào. Em là người bạn của ba” [5;18]. Hay như Quỳnh Anh, em viết cho ba cũng là viết cho mình: “Đà Nẵng. Ngày 20-5-75. Kính thưa ba. Hôm nay con rảnh, con viết vài dòng để hỏi thăm sức khỏe của ba. Con nghe má nói ba đi gánh nước với đôn củi con thương ba lắm, chừ mà má cho con lên ở với ba để gánh nước với lại đôn củi phụ ba, con chịu liền. Mưa ở trên đó nhiều không ba, má đi mua tấm poncho ở chợ trời mà không có. Ba ráng giữ sức khỏe nghe ba, đi đôn củi với lại gánh nước là mau đau lắm ba” [5; 346].

Trong bối cảnh hậu chiến Việt Nam, khi mà vẫn còn những tiếng nói bị gạt ra ngoài lịch sử chính thống thì hành động kể lại - *lời chứng* của thế hệ sau trở thành một biểu hiện của trách nhiệm ghi nhớ, tuy không ồn ào, không trực diện, nhưng lại sâu sắc và bền bỉ. Người con, qua việc kể lại, không chỉ giải cứu kí ức cho cha mình mà còn cho những thế hệ đã sống trong im lặng của lịch sử. *Tôi là con gái của cha tôi* của Phan Thúy Hà vì thế không chỉ là một văn bản phục dựng quá khứ, mà còn là một không gian đối thoại với những điều chưa bao giờ được gọi tên trọn vẹn.

2.3.2. Cấu trúc tự sự gấp khúc và đứt đoạn

Một trong những đặc điểm nổi bật của hai câu chuyện trong *Quốc Kiệt* và *Tôi là con gái của cha tôi* trong tác phẩm của Phan Thúy Hà chính là cấu trúc tự sự không tuân theo trật tự tuyến tính mà lại gấp khúc, đứt đoạn và đan xen nhiều hình thức biểu đạt. Cấu trúc này không chỉ phản ánh bản chất của kí ức chấn thương mà còn làm nổi bật sự phi tuyến tính của kí ức, khi nó không thể được kể lại một cách mạch lạc mà xuất hiện trong những hồi tưởng gián đoạn, đầy lỗ hổng và những đoạn ngắt quãng, đứt gãy. Đây chính là cấu trúc điển hình trong việc thể hiện chấn thương.

Trong *Quốc Kiệt*, câu chuyện được bắt đầu bằng các thông tin của người cựu binh: “Giấy tờ: Thẻ phết binh. Cấp độ tàn phế 80%. Cắt cẳng chân phải ở 1/3 trên. Với tính cách: Vĩnh viễn. Có giá trị kể từ ngày 27.10.1973. Tàn tật có quyền hưởng hưu bổng. Chứng chỉ giải ngũ. Nhập ngũ vào lực lượng Việt Nam Cộng Hòa ngày 20.4.1968. Được giải ngũ ngày 27.10.1973. Cấp bậc Hạ sĩ” [5;7]. Tiếp sau đó là lời kể của tác giả Phan Thúy Hà, rồi sau đó lại xem vào lời kể của Quốc Kiệt. Câu chuyện của Quốc Kiệt không theo trật tự tuyến tính mà đứt gãy, ngắt quãng, xen lẫn kể và tả.

Trong *Tôi là con gái của cha tôi*, kí ức không được truyền từ người cha sang người con theo một trình tự tuyến tính mà luôn có những vết nhòe, những khoảng trống và sự gián tiếp. Tác phẩm không theo lối kể chuyện truyền thống với một bố cục rõ ràng (mở đầu, diễn biến, kết thúc), mà thay vào đó, nó được tổ chức thành một chuỗi các đoạn ghi chép [4; 343 – 346], thư từ [4; 346-353], hồi tưởng [4; 353-354], những bình luận cá nhân, kiểu “con tiếc cho cái óc chó của con quá” [4; 350], “Gương mặt đầy nốt sẹo đầu mùa với nụ cười hiền. Chú Hải để lại trong tâm hồn đứa trẻ mười một tuổi ấn tượng đầu tiên về một chiến binh Bắc Việt” [4; 354] và đôi khi là những dòng độc thoại nội tâm. Chính sự xen lẫn này đã tạo ra một cấu trúc tự sự không đơn thuần là sự nối tiếp của các sự kiện, mà là một không gian mở, nơi mọi thứ đều mang tính chất hồi tưởng, ám ảnh và tự vấn. Có thể nói rằng, sự kết hợp này đã thể hiện rất rõ kí ức chấn thương. Vì vậy, văn bản trở thành một mạch kí ức gấp khúc, nơi kí ức không phải là sự thật cố định, mà là dấu vết cảm xúc chưa bao giờ được định hình hoàn toàn.

Tác phẩm *Tôi là con gái của cha tôi* của Phan Thúy Hà (2022) là một trường hợp đặc biệt trong thể loại văn học phi hư cấu Việt Nam đương đại, khi cấu trúc tự sự của tác phẩm được tạo

ra không phải từ một nhân vật trung tâm, mà từ hai chủ thể lời chứng đan xen: người cha - một cựu binh của quân đội Việt Nam Cộng hòa và con gái ông - người kế thừa ký ức cũng là chủ thể kể lại. Trong không gian tự sự đó, người cha là đại diện cho chứng nhân thế hệ thứ nhất (*first-generation witness*) đã trực tiếp trải qua chiến tranh, phải đi cải tạo lao động và chịu sự cô lập với cộng đồng suốt nhiều năm sau khi cuộc chiến kết thúc. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là ông không kể lại câu chuyện mà gần như chỉ xuất hiện qua những hồi tưởng, các đoạn ghi chép ngắn của con gái và cả sự vắng mặt khỏi đời sống gia đình.

Suốt tác phẩm, qua lời kể của con gái, ông chỉ nói chuyện có hai lần. Lần thứ nhất, ông báo tin một người bạn mất: “Hai ngày sau, ba về thông báo với má: Thiếu tá Thà không còn nữa [4; 342]. Lần thứ hai ông hỏi thúc vợ lên tàu. Lần này còn không được là sự thuật lại lời nói của ông, mà chỉ là sự miêu tả của con gái: “từ boong tàu xuống sà lan đung đưa trước gió, má nín chặt tay ba không chịu trèo lên. Ba phải thuyết phục mãi má và chị giúp việc mới chịu bám chiếc thang dây” [4; 346]. Chính sự vắng mặt trong vai trò phát ngôn này của ông đã trở thành biểu tượng của ký ức chấn thương: một quá khứ không thể kể hết, hoặc không muốn nhớ lại.

Có thể thấy rằng, câu chuyện *Quốc Kiệt* - p. 7, *Tôi là con gái của cha tôi* - p. 342 không chỉ là những bản ghi chép về quá khứ, mà còn là một nỗ lực tái hiện những trải nghiệm không thể kể trọn vẹn, bằng cách đề cấu trúc văn bản thể hiện chính sự đổ vỡ: khi mạch văn bị ngắt, khi sự thật hiện ra không theo trật tự và khi nỗi đau không ngừng ẩn hiện nhưng lại không bao giờ được nói rõ ràng. Chính cấu trúc đặc biệt này đã tạo nên một diễn ngôn hậu chấn thương, nơi hình thức và nội dung cùng cộng hưởng để thể hiện điều không thể nói ra – và trong không gian đó, người viết không chỉ là người kể, mà còn là người sống trong trạng thái hồi tưởng. Cấu trúc tự sự trong các tác phẩm phi hư cấu của Phan Thúy Hà trong *Tôi là con gái của cha tôi* không chỉ thể hiện yếu tố chấn thương kép mà còn có thể được xem là một hình thức “chữa lành kép” (dual healing), vừa cho người kể (người kế thừa ký ức), vừa cho người tiếp nhận (độc giả). Thứ nhất, chữa lành cho người kể chuyện: trong lý thuyết chấn thương, việc kể lại trải nghiệm đau thương được xem là một bước quan trọng trong quá trình chữa lành chấn thương. Theo LaCapra (2001), quá trình “làm việc với chấn thương” (*working through*) không chỉ là sự phân biệt với hành vi bị ám ảnh (*acting out*), mà còn liên quan đến nỗ lực kiến tạo ký ức như một hành vi đạo đức và nhận thức – một tiến trình đòi hỏi năng lực phản tư và đối thoại với lịch sử [10; 70 -74]. Mặc dù hành vi truy vấn và tái hiện ký ức chấn thương của thế hệ trước có thể gây ra những tổn thương cảm xúc riêng cho thế hệ thứ hai nhưng chính quá trình này lại mở ra cơ hội để ký ức được tổ chức lại theo một cấu trúc có ý nghĩa. Trong hệ khái niệm ký ức hậu sinh, Hirsch (2012) nhấn mạnh rằng ký ức được truyền lại không đơn thuần là sự lặp lại, mà là sự tái tạo có tính chiêm nghiệm thông qua trí tưởng tượng, sự đồng cảm và diễn giải [2; 5-6]. Như vậy, sự hiện diện của chấn thương cá nhân không loại trừ khả năng chữa lành. Trái lại, hành vi kể lại, với tư cách là sự tham dự chủ động vào ký ức, chính là bước đầu tiên để chuyển hóa nỗi đau thành kinh nghiệm có thể chia sẻ và thấu hiểu.

Việc các nhân vật như Quốc Kiệt, Quỳnh Anh trong tác phẩm kể lại những câu chuyện gắn với ký ức chiến tranh, dù không trực tiếp trải qua nhưng vẫn thể hiện sự thấu cảm sâu sắc, nỗ lực tái cấu trúc những ký ức bị che giấu, bị cắt đứt từ thế hệ trước, cho thấy họ đang diễn ngôn từ vị trí của thế hệ hậu sinh. Đây là đặc điểm trung tâm trong khái niệm *postmemory* mà Marianne Hirsch (2008) đã xác lập: một “mối quan hệ với ký ức chấn thương sâu sắc mà thế hệ sau không trực tiếp trải qua, nhưng vẫn được truyền lại mạnh mẽ đến mức tưởng chừng như là ký ức của chính họ” [2;106]. Những lời kể ấy không đơn thuần là ghi nhớ sự kiện đã qua, mà là một quá trình kiến tạo ký ức cá nhân từ sự im lặng, đứt gãy của ký ức gia đình. Việc viết, kể và ghi chép trong văn bản trở thành phương tiện để kết nối, tưởng nhớ và chữa lành. Ví dụ, nhân vật Quỳnh Anh trong *Tôi là con gái của cha tôi* dùng hành động viết thư như một dạng tự sự để chữa lành. Ở đây, viết không đơn thuần là cách nhân vật trao đổi thông tin với người cha, mà còn là sự chất vấn lại quá khứ, một dạng đối thoại tự thân để tìm hiểu về những sự kiện đã bị người lớn chôn giấu hoặc lãng quên [5]. Bản thân tác giả Phan Thúy Hà, qua việc ghi chép của mình cũng là một

người kể, người kể thừa kế ứ. Hành động ghi lại của Phan Thúy Hà đã như một cách chữa lành cho chính chị. Chị viết để tri ân quá khứ, để thực hiện hành vi đạo đức của cộng đồng mà chính lời tựa tác phẩm *Tôi là con gái của cha tôi* đã thể hiện rất rõ: “Tôi là con gái của cha tôi. Con gái một người từng là người lính. Con gái của cha đã đi gặp các chú các bác, con thấy được hình bóng cha, con như đang trò chuyện với linh hồn cha. Tôi viết cho các con tôi, tới một độ tuổi nào đó, con có nhu cầu được biết thêm. Con hãy đọc. Bởi người viết là mẹ. Những câu chuyện có thể bạn biết cả rồi, bạn đã chứng kiến, bạn đã sống với nó, nhưng với tôi, tôi mới được biết. Xin tha thứ cho tôi vì sự muộn màng” [4].

Thứ hai, chữa lành cho người đọc: theo Marianne Hirsch (2008), tiếp nhận ký ức được xem là một hành vi đạo đức. Đọc các câu chuyện trong *Tôi là con gái của cha tôi*, người đọc không chỉ tiếp nhận thông tin lịch sử mà còn tham gia vào quá trình đồng cảm và hiểu biết sâu sắc về những đau thương của người khác. Từ những chấn thương của các nhân vật qua văn bản tự sự, người đọc có thể hiểu được những nỗi đau của những số phận ít được nhắc đến trong các diễn ngôn chính thống. Từ đó, mỗi người sẽ có thái độ thích hợp khi đối diện với quá khứ đau thương của dân tộc. Hiểu để rồi thương. Đó chính là quá trình chữa lành vết thương của cộng đồng. Một trong những lý do khiến tác phẩm *Tôi là con gái của cha tôi* của Phan Thúy Hà tạo được sự quan tâm lớn như vậy chính là từ ý nghĩa này.

Có thể nói rằng, cấu trúc tự sự phi tuyến và giọng kể trung tính của tác phẩm đã tạo không gian cho ký ức lên tiếng. Phan Thúy Hà sử dụng cấu trúc tự sự phi tuyến, không can thiệp cảm xúc cá nhân, để tạo điều kiện cho những người con kể lại câu chuyện của gia đình mình một cách trung thực. Cách tiếp cận này giúp người kể cảm thấy được lắng nghe và tôn trọng, đồng thời giúp người đọc tiếp nhận câu chuyện một cách khách quan và sâu sắc.

Có thể nói rằng *Tôi là con gái của cha tôi* đã tạo ra không gian để người đọc kết nối với những ký ức đau thương, giúp họ đối mặt với chấn thương của thế hệ trước và tìm kiếm sự hòa giải với các ký ức đó cũng như hoà giải giữa các thế hệ thuộc các gia đình đã từng không cùng chiến tuyến. Tác phẩm không chỉ cung cấp cái nhìn về cuộc chiến mà còn tạo ra một quá trình chữa lành thông qua cách kể chuyện và cảm nhận ký ức, cho phép cả người kể lẫn người đọc đối diện với những nỗi đau đã qua và giải phóng những cảm xúc còn dồn nén bên trong họ. Văn bản, do đó, không chỉ phản ánh ký ức lịch sử mà còn mở ra không gian liên chủ thể, nơi cả người kể và người đọc cùng tham dự vào hành trình tái cấu trúc ký ức, đối diện với tổn thương, từ đó kiến tạo năng lực chữa lành qua văn chương.

3. Kết luận

Trong không gian văn học hậu chiến, ký ức không còn là tài sản riêng của cá nhân người đã trải qua, mà trở thành một thực thể xã hội, chính trị và văn hóa luôn chuyển động - nơi mỗi người, mỗi thế hệ đều có thể góp phần vào việc tái hiện, tiếp nối, hoặc duy trì sự im lặng. *Tôi là con gái của cha tôi* không chỉ đơn thuần kể lại những câu chuyện cá nhân, mà còn mở ra một dòng ký ức bị gián đoạn và lãng quên trong hệ thống lịch sử chính thống, đặc biệt là những trải nghiệm của các nhân chứng thuộc “bên thua trận” - những người từng bị gạt ra khỏi không gian diễn ngôn trong suốt nhiều thập kỷ qua.

Bài viết đề xuất vận dụng khái niệm *chấn thương kép* như một cách tiếp cận mới nhằm nhận diện chiều sâu của trải nghiệm hậu chiến trong văn học phi hư cấu Việt Nam, cụ thể qua tác phẩm *Tôi là con gái của cha tôi* của Phan Thúy Hà. Dựa trên nền tảng lý thuyết chấn thương (Caruth, Hirsch, LaCapra) bằng phương pháp nghiên cứu liên ngành giữa văn học và phân tâm học, được triển khai qua hướng tiếp cận đa tầng, nghiên cứu cho thấy rằng sự chồng lớp giữa ký ức chấn thương kế thừa từ thế hệ trước và tổn thương cảm xúc của thế hệ sau chính là yếu tố trung tâm cấu thành chấn thương kép trong văn bản. Trong tác phẩm, ký ức không chỉ được kể lại như những mảnh ghép rời rạc của quá khứ, mà được tổ chức lại như một hình thức tự sự có chủ đích thể hiện chấn thương. Chính cấu trúc tự sự phi tuyến, giọng kể trung tính và sự vắng mặt của tác giả đã

mở ra một không gian cho sự tiếp nhận đa chiều, nơi người đọc không chỉ lắng nghe mà còn được tham dự vào hành trình kiến tạo lại kí ức. Từ đó, bài viết không chỉ làm rõ một hiện tượng tự sự đặc thù - tự sự phi hư cấu (non – fiction), mà còn góp phần định vị văn học hậu chiến Việt Nam như một diễn ngôn của trách nhiệm ghi nhớ và mở ra khả năng chữa lành.

Có thể khẳng định rằng: *Tôi là con gái của cha tôi* không chỉ là một hồi kí cá nhân, mà còn là một văn bản làm chứng, mang sứ mệnh phục dựng những điều đã mất, chữa lành những điều chưa bao giờ được gọi tên, và trao cho kí ức một hình thức sinh tồn mới - thông qua văn chương. Và ở đó, trách nhiệm ghi nhớ không còn là sự lựa chọn, mà là một hành vi đạo đức cần thiết trong đời sống hậu chiến của tất cả chúng ta. Với những ý nghĩa trên, tác phẩm gợi dẫn cho chúng tôi hướng nghiên cứu tiếp theo về các hình thức lời chứng phi chính thống và sự ảnh hưởng của chúng đối với việc phục hồi kí ức lịch sử cho các thế hệ sau thông qua văn học hậu chiến - chiếc cầu nối của hoà hợp, đồng cảm và chữa lành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Caruth C, (1996). *Unclaimed experience: Trauma, narrative, and history*. Johns Hopkins University Press, pp. 4–9, 153–156.
- [2] Hirsch M, (2008). The generation of postmemory. *Poetics Today*, 29(1), 103–128. <https://doi.org/10.1215/03335372-2007-019>
- [3] Yehuda R & Lehrner A, (2018). Intergenerational transmission of trauma effects: Putative role of epigenetic mechanisms. *World Psychiatry*, 17(3), 243–257. <https://doi.org/10.1002/wps.20568>
- [4] PT Hà, (2022). *Tôi là con gái của cha tôi*. NXB Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội, tr. 5 -15, 47-69, 101 -113.
- [5] CK Lan, (2021). Chấn thương kép trong nỗi buồn chiến tranh của Bảo Ninh. *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 2, 22 - 43.
- [6] Ooi KG & Cao KL, (2021). Understanding the double trauma in “The Sorrow of War”. In *Trauma and Memory in Post-Vietnam War Literature* (pp. 120–135). Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781032616209-8>
- [7] Jin-rong HOU & Hoe KM, (2023). Narratives of traumatic memory and relocation of victims in “The Lotus and the Storm”. *Journal of Literature and Art Studies*, 13(1), 1-6. <https://doi.org/10.17265/2159-5836/2023.01.001>
- [8] Khan H & Shahid A, (2024). *Double Trauma and Testimonial Memory in Basharat Peer’s Curfewed Night*. *Journal of Trauma and Memory Studies*, 12(1), 1–14.
- [9] Beeghly M, (2024). Toward a multi-level approach to the study of the intergenerational transmission of trauma: Current findings and future directions. *Development and Psychopathology*, 36(4), 1400–1418. <https://doi.org/10.1017/S0954579424000023>
- [10] LaCapra D, (2001). *Writing history, writing trauma* (pp. 85–110). Baltimore: Johns Hopkins University Press.